

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2018

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm;**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15-8-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Huỳnh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 87/20A, khóm 1, phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Huỳnh Thanh N, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-6-2018 và bản tự khai nguyên đơn Anh Mai Huỳnh H trình bày:

Vào ngày 18/10/2010, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Huỳnh Thanh N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố T, trong quá trình sống chung anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau ngày cưới anh và chị N sống bên gia đình anh, quá trình sống chung anh chị không có con, từ đó vợ chồng thường cự cãi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay, chị N về bên gia đình chị sống, từ ngày ly thân vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thanh N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Mai Huỳnh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Mai Huỳnh H cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Mai Huỳnh H (photo).

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị Huỳnh Thanh N không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị N được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Những nội dung đương sự thỏa thuận được và không thỏa thuận được: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Huỳnh Thanh N có hộ khẩu thường trú ở huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn chị Huỳnh Thanh N trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án chị N đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Mai Huỳnh H và chị Huỳnh Thanh N kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo đơn khởi kiện anh H trình bày vợ chồng sống chung không có con chung, từ đó vợ chồng thường cự cãi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay nên anh H xin ly hôn với chị N điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị N.

[3] *Về con chung*: Anh Mai Huỳnh H khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H khai anh và chị N không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không trực tiếp làm việc với chị N để biết ý kiến của chị về tài sản chung và nợ chung và chị N có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung giữa chị với anh H hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn chị N có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với anh H thì chị N có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với anh H.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Mai Huỳnh H.

1. Về hôn nhân: Cho Anh Mai Huỳnh H được ly hôn với chị Huỳnh Thanh N.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Mai Huỳnh H khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Huỳnh Thanh N có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với Anh Mai Huỳnh H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017833, ngày 04-7-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Mai Huỳnh H đã nộp đủ án phí.

Chị Huỳnh Thanh N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND Phường 3, TPTV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm

